## Bảng 3

## BẢNG LƯƠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ NƯỚC

*(ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).*

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Nhóm ngạch** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** | **Bậc 4** | **Bậc 5** | **Bậc 6** | **Bậc 7** | **Bậc 8** | **Bậc 9** | **Bậc 10** | **Bậc 11** | **Bậc 12** |
| **1** | **Viên chức loại A3** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| a | Nhóm 1 (A3.1) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **6,20** | **6,56** | **6,92** | **7,28** | **7,64** | **8,00** |   |   |   |   |   |   |
| b | Nhóm 2 (A3.2) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **5,75** | **6,11** | **6,47** | **6,83** | **7,19** | **7,55** |   |   |   |   |   |   |
| **2** | **Viên chức loại A2** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| a | Nhóm 1 (A2.1) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **4,40** | **4,74** | **5,08** | **5,42** | **5,76** | **6,10** | **6,44** | **6,78** |   |   |   |   |
| b | Nhóm 2 (A2.2) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **4,00** | **4,34** | **4,68** | **5,02** | **5,36** | **5,70** | **6,04** | **6,38** |   |   |   |   |
| **3** | **Viên chức loại A1** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương  | **2,34** | **2,67** | **3,00** | **3,33** | **3,66** | **3,99** | **4,32** | **4,65** | **4,98** |   |   |   |
| **4** | **Viên chức loại A0** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **2,10** | **2,41** | **2,72** | **3,03** | **3,34** | **3,65** | **3,96** | **4,27** | **4,58** | **4,89** |   |   |
| **5** | **Viên chức loại B** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **1,86** | **2,06** | **2,26** | **2,46** | **2,66** | **2,86** | **3,06** | **3,26** | **3,46** | **3,66** | **3,86** | **4,06** |
| **6** | **Viên chức loại C** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| a | Nhóm 1 (C1) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **1,65** | **1,83** | **2,01** | **2,19** | **2,37** | **2,55** | **2,73** | **2,91** | **3,09** | **3,27** | **3,45** | **3,63** |
| b | Nhóm 2: Nhân viên nhà xác (C2) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **2,00** | **2,18** | **2,36** | **2,54** | **2,72** | **2,90** | **3,08** | **3,26** | **3,44** | **3,62** | **3,80** | **3,98** |
| c | Nhóm 3: Y công (C3) |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Hệ số lương | **1,50** | **1,68** | **1,86** | **2,04** | **2,22** | **2,40** | **2,58** | **2,76** | **2,94** | **3,12** | **3,30** | **3,48** |

*Ghi chú:*

1. Trong các đơn vị sự nghiệp có sử dụng các chức danh cán bộ, viên chức theo ngành chuyên môn có tên ngạch thuộc đối tượng áp dụng bảng 2 thì xếp lương đối với cán bộ, viên chức đó theo ngạch tương ứng quy định tại bảng 2. Việc trả lương thực hiện theo quy định của đơn vị sự nghiệp mà cán bộ, viên chức đó đang làm việc.

2. Khi chuyển xếp lương cũ sang ngạch, bậc lương mới, nếu đã xếp bậc lương cũ cao hơn bậc lương mới cuối cùng trong ngạch thì những bậc lương cũ cao hơn này được quy đổi thành % phụ cấp thâm niên vượt khung so với mức lương của bậc lương mới cuối cùng trong ngạch.

3. Hệ số lương của các ngạch viên chức loại C (gồm C1, C2 và C3) đã tính yếu tố điều kiện lao động cao hơn bình thường.

4. Cán bộ, viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, vị trí công tác phù hợp với ngạch và còn ngạch trên trong cùng ngành chuyên môn, thì căn cứ vào thời gian tối thiểu làm việc trong ngạch (không quy định theo hệ số lương hiện hưởng) để được xem xét cử đi thi nâng ngạch như sau:

- Đối với cán bộ, viên chức loại B và loại C: Không quy định thời gian tối thiểu làm việc trong ngạch.

- Đối với cán bộ, viên chức loại A0 và loại A1: Thời gian tối thiểu làm việc trong ngạch là 9 năm (bao gồm cả thời gian làm việc trong các ngạch khác tương đương).

- Đối với cán bộ, viên chức loại A2: Thời gian tối thiểu làm việc trong ngạch là 6 năm (bao gồm cả thời gian làm việc trong các ngạch khác tương đương).

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có bổ sung về chức danh cán bộ, viên chức (ngạch) quy định tại đối tượng áp dụng bảng 3, thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngạch viên chức chuyên ngành đề nghị Bộ Nội vụ ban hành chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch viên chức và hướng dẫn việc xếp lương phù hợp với ngạch viên chức đó.

6. Đối tượng áp dụng Bàng 3 xem tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP.